

Tài liệu cho học sinh

1. Sách giáo khoa lịch sử lớp 10: bài 14. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam (Mục 3. Quốc gia cổ Phù Nam)
2. Nội dung thuyết minh của Hướng dẫn viên và hiện vật trưng bày tại nhà bảo tàng thuộc Căn cứ Rừng Sác.
3. Nguồn tài liệu của Bảo tàng lịch sử quốc gia.

Cách ngày nay khoảng 1500-2000 năm, trên địa bàn châu thổ sông Cửu Long (Nam Bộ) đã hình thành nền văn hóa cổ. Các nhà khảo cổ học gọi là văn hóa Óc Eo. Văn hóa Óc Eo có nguồn gốc từ văn hóa sông Đồng Nai.

Địa bàn chủ yếu của văn hóa Óc Eo là vùng châu thổ sông Cửu Long (Óc Eo nay thuộc huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) gồm nhiều tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp.....và một số địa phương thuộc Bình Dương, Tây Ninh, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, qua công tác nghiên cứu, khảo sát, tìm hiểu thực địa, các nhà Sử học, Khảo cổ học.....đã phát hiện Di tích Giồng Cá Vồ là một di chỉ có tầng văn hóa khá dày, đồng thời cũng là khu mộ táng khá phong phú. Theo các nhà khảo cổ học, Cần Giờ là một vùng đất cổ, nơi ghi lại những dấu vết xa xưa của loài người qua các di chỉ khảo cổ học và các ngôi mộ cổ; trong đó Di chỉ Giồng Cá Vồ có niên đại cách nay khoảng 3000 năm.

Tại khu Giồng Cá Vồ đã tìm thấy mầm mống của văn hóa Óc Eo-Sa Huỳnh. Với địa hình đất ngập mặn, người cổ ở Cần Giờ đã có hình thức mai táng người chết khá đặc biệt, được thực hiện bằng cách cột người chết theo tư thế ngồi bó gối rồi đặt vào trong chum.

Huyện Cần Giờ nằm ở phía Đông Nam TP.HCM, là vùng đồng bằng cửa sông – vịnh biển mới được thành tạo từ khoảng 6.000 – 5.000 năm cách ngày nay. Bề mặt đồng bằng thấp trũng bao phủ bởi thảm thực vật kiểu rừng nước mặn, lại bị chia xẻ do hệ thống sông rạch chằng chịt. Trên vùng địa hình phức tạp này các di tích khảo cổ học thường được tìm thấy trên các giồng đất được thành tạo từ quá trình tích tụ phù sa chưa hoàn chỉnh ở vùng cửa sông Đồng Nai.

Dấu tích cư trú của con người từ rất sớm ở nơi đây đã làm cho môi trường sinh thái - nhân văn của Cần Giờ khác hẳn những khu vực rừng ngập mặn khác, nơi đơn thuần chỉ có dấu vết quá trình lấn biển của tự nhiên.



Tiến hành khai quật di tích Giồng Cá Vồ (Ảnh : TL)



Mộ chum loại 1 hình cầu, đáy tròn (Ảnh : TL)

Tượng hình chim khai quật được tại di tích.



Khuyên tai hai đầu thú khai quật được tại di tích.



Nồi gốm khai quật được tại di tích.

Bản đồ khảo cổ học huyện Cần Giờ.

Từ những phát hiện đầu tiên vào những năm 1976 – 1978, qua nhiều lần khảo sát, thám sát và qua 3 lần khai quật liên tục (1992, 1993 và 1994), các nhà khảo cổ học đã bước đầu phác dựng lịch sử Cần Giờ giai đoạn từ 3.000 đến khoảng 2.000 năm cách ngày nay, qua việc nghiên cứu các đặc trưng văn hoá khảo cổ nơi đây.

Là những di tích chỉ cư trú có tầng văn hoá khá dày, hình thành ngay trên nền sét biển. Tích tụ của quá trình sản xuất gốm văn hoá đã góp phần cùng với tự nhiên tạo nên những giồng đất di tích khảo cổ.

Di chỉ cư trú dần trở thành khu mộ táng với tục hun táng trong mộ chum là chủ yếu. Tuy nhiên, có thể nhận thấy có một số táng thức khác ở vào giai đoạn sớm hoặc muộn hơn giai đoạn mộ chum.

Di vật và đồ tùy táng của các di tích mộ chum Cần Giờ vô cùng phong phú và độc đáo. Đó là loại gốm Giồng Cá Vồ – Giồng Phệt, được coi là tiêu chí để nhận biết mối liên hệ của Cần Giờ với những vùng khác. Đó là vô số các kiểu đồ gốm mang phong cách của các nền văn hoá Đồng Nai, Sa Huỳnh, Óc Eo... Là các loại hình đồ trang sức cho biết nguồn gốc được sản xuất tại chỗ hoặc du nhập nguyên liệu và kỹ thuật từ những khu vực khác ở ĐNA hải đảo, là sự thiếu vắng các công cụ sản xuất nông nghiệp mà chỉ có một số loại vũ khí mang tích chất tượng trưng cho quyền lực.

Môi trường tự nhiên, di tích, di vật đã cho thấy đây không phải là một nền văn hoá của cư dân nông nghiệp trồng trọt – như nhiều nền văn hoá khảo cổ trong thời đại kim khí – mà chủ nhân của văn hoá này có đời sống kinh tế khá đặc biệt. Đó là phát triển thương mại kết hợp hoạt động khai thác tự nhiên.

Chính vì vậy, có thể cho rằng Cần Giờ hai ngàn năm trước đây là một “cảng thị sơ khai”, nơi tiếp thu và chuyển hoá nhiều yếu tố văn hoá – kỹ thuật từ bên ngoài, đồng thời cũng là nơi tích tụ và phát tán những yếu tố văn hoá bản địa.

Dựa lưng vào một hậu phương rộng lớn và trù phú như vậy, “cảng thị” Cần Giờ đã có một nền tảng kinh tế – xã hội để tồn tại và phát triển. Như trên đã nói, điều kiện tự nhiên của Cần Giờ không thích hợp cho kinh tế nông nghiệp trồng trọt vì đây là vùng ngập mặn quanh năm, chỉ có các loại cây rừng Sác là chủ lực trong việc giữ đất hình thành hệ sinh thái kiểu “*mắm trước đước sau*”. Nước ngọt ở đây rất hiếm hoi, mùa mưa còn có nước mưa tạm đủ dùng, nhưng mùa khô hoàn toàn phải mua nước ngọt chở bằng ghe theo đường sông từ Đồng Nai – Sài Gòn xuống. Có thể nói, nếu không có lương thực và nước ngọt của hậu phương Đồng Nai thì cư dân cổ Cần Giờ khó có thể tạo dựng được một “cảng thị” dù là “sơ khai” dạng các bến – chợ. Không chỉ thế, tại Cần Giờ còn tìm thấy những loại vũ khí và công cụ bằng đồng và sắt như rìu, giáo, lao, những dao nhỏ, lưỡi câu và cả đồ trang sức ... Nguồn gốc của chúng chắc chắn là từ trung tâm luyện kim Đồng Nai, hoặc xa hơn, từ Ban Chang, Non Nok Tha ở Đông Bắc Thái Lan. Tuy số lượng không nhiều nhưng vũ khí và công cụ kim loại đã có vai trò tích cực trong hoạt động khai thác tự nhiên ở Cần Giờ. Đặc biệt một số vũ khí còn mang ý nghĩa tượng trưng cho quyền lực hay địa vị khi chúng được làm đồ tùy táng trong mộ chum.

Việc trao đổi “thương mại” giữa Cần Giờ và lưu vực Đồng Nai không phải chỉ diễn ra một chiều như vậy. Chủ nhân các di tích ở Cần Giờ không hoàn toàn phụ thuộc vào hậu phương mà tự thân họ đã tạo dựng nơi đây trở thành một trung tâm thủ công nghiệp với các nghề làm gốm, làm đồ trang sức bằng đá, vỏ nhuyễn thể, nghề làm thủy tinh... Sản phẩm của họ đã mang tính chất hàng hoá, được trao đổi một cách “bình đẳng”, thậm chí còn là những mặt hàng quý giá. Với lưu vực Đồng Nai, cùng với sản phẩm khai thác từ tự nhiên thì những đồ gốm sản xuất tại Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt đã có mặt tận Dốc Chùa, Phú Hoà, Suối Chồn,

Long Bửu ở lưu vực Đồng Nai; Gò Cao Su, Gò Ô Chùa ở lưu vực Vàm Cỏ. Nhiều kiểu dáng đồ trang sức ở khu mộ chum Phú Hòa như khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai 3 mấu, hạt chuỗi mã não... trước đây vẫn được coi là bằng chứng của sự ảnh hưởng của văn hoá Sa Huỳnh, thì nay đã có thể nhìn nhận là kết quả của mối quan hệ mật thiết với cửa biển Cần Giờ.

Đặc biệt, loại hình Cà ràng (bếp lò gốm) có sự phát triển ngày càng hoàn thiện, từ giai đoạn sớm ở Vàm Cỏ đến Đồng Nai, giai đoạn muộn ở Cần Giờ đã mang dáng dấp của Cà ràng trong văn hoá Óc Eo. Từ đây, loại bếp gốm của cư dân sông nước Nam Bộ đã trở thành loại vật dụng quen thuộc của cư dân nhiều nơi ở Đông Nam Á.

Nhận xét:

Từ những tư liệu về di tích và di vật có thể nhận thấy Giồng Cá Vồ là một di tích mộ chum có những đặc điểm khác biệt so với các di tích mộ chum cùng thời ở Việt Nam và Đông Nam Á. Di tích này là giồng đất nổi lên giữa vùng đầm lầy nước mặn cửa sông, sự thay đổi của thủy triều làm cho giồng đất thường xuyên bị cô lập, mối liên hệ với bên ngoài chỉ thực hiện bằng đường thủy có thể nói đây là môi trường không mấy thuận lợi cho cuộc sống của con người, cho hoạt động nông nghiệp trồng trọt.

Dấu vết cư trú của con người để lại ở lớp văn hóa dưới như vệt than tro, tàn tích động vật nhất là những mảnh gốm, loại gốm xương cứng đến gốm miệng khum có rãnh...như vậy tại Giồng Cá Vồ đã có một giai đoạn cư trú trước khi nơi này được sử dụng làm khu mộ táng.

Tầng văn hóa dày đặc mảnh gốm của những loại hình gốm độc đáo, có sự diễn biến liên tục ở Giồng Cá Vồ, sự tồn tại của lớp đất cháy, các vệt than tro dày...cho thấy nơi đây không chỉ là nơi cư trú mà còn là nơi sản xuất đồ gốm. Ngoài ra loại hình gốm của Giồng Cá Vồ cũng như đồ trang sức bằng thủy tinh, vỏ nhuyễn thể, bằng đá, các loại gốm minh khí được sản xuất tại chỗ để đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất tinh thần của cư dân nơi đây và có thể được trao đổi giao lưu với nhiều nơi khác.

Khu mộ táng ở Giồng Cá Vồ chủ yếu là phương thức hung táng trong mộ chum, những vẫn có cải táng và một số mộ đất. Cư dân Giồng Cá Vồ có hình thức mai táng người chết khá đặc biệt, người chết được trong chum gốm lớn, hình thức hung táng được thực hiện bằng cách cột người chết theo tư thế ngồi bó gối rồi đặt vào trong chum, di cốt được bảo tồn khá tốt. Chum mai táng ở Giồng Cá Vồ có hai loại và cả hai loại đều chưa thấy có trong bất kỳ một di tích mộ chum nào ở Đông Nam Á đã được biết.

Hiện vật trong di tích Giồng Cá Vồ là đồ tùy táng, đồ trang sức là chủ yếu, số lượng và sự đa dạng chứng tỏ chủ nhân của di tích có một đời sống vật chất tinh thần phát triển khá cao. Nhiều nhất là khuyên tai hai đầu thú, bên cạnh các chất liệu chủ đạo như đá quý, thủy tinh, vỏ nhuyễn thể, đồ trang sức bằng kim loại như vòng đồng, chuỗi vàng tuy số lượng ít nhưng cũng cho thấy đó là mối quan hệ với cá nòi khác ở Đông Nam Á. Đồ kim loại như giáo, lao, kiếm và nhất là lưỡi câu, ngoài ra còn có dao cán cong dùng trong sinh hoạt và sản xuất.